

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI TIN HỌC MOS

KHÓA THI NGÀY 08/8/2024

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
1	Cao Lê Trí	W	2016	TV	8:00	VT2	10A5
2	Ngô Tuấn Khôi	E	2016	TV	8:00	VT2	11A15
3	Nguyễn Ngọc Thương	PP	2016	TV	8:00	VT2	10ĐP
4	Đoàn Nguyễn Bảo Nghi	W	2016	TV	8:00	VT2	10A1
5	Cao Ngọc Yến Vy	W	2016	TA	8:00	VT2	10A2
6	Huỳnh Hậu Giang	W	2016	TA	8:00	VT2	10A3
7	Bùi Gia Phú	W	2016	TA	8:00	VT2	10A3
8	Ngô Quốc Thái	W	2016	TA	8:00	VT2	10A3
9	Nguyễn Thị Kim Phúc	W	2016	TA	8:00	VT2	10A3
10	Phùng Thanh Phát	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
11	Phạm Hoàng Gia Thái	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
12	Lê Trường Thịnh	W	2016	TA	8:00	VT2	10A4
13	Lê Đoàn Lan Anh	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
14	Nguyễn Duy Hưng	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
15	Nguyễn Minh Khoa	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
16	Ngô Kim Phụng	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
17	Lê Tấn Tài	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
18	Huỳnh Ngọc Diệu Thảo	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
19	Bùi Hải Vy	W	2016	TV	8:00	VT2	10A4
20	Nguyễn Thanh Phong	W	2016	TA	8:00	VT2	10A5
21	Nguyễn Lâm Gia Bảo	W	2016	TA	8:00	VT2	10A5
22	Trần Minh Luân	W	2016	TA	8:00	VT3	10A5
23	Phạm Thị Thanh Thảo	W	2016	TV	8:00	VT3	10A5
24	Lại Nguyễn Yến Vy	W	2016	TA	8:00	VT3	10A5
25	Lê Gia Bảo	W	2016	TV	8:00	VT3	10A6
26	Võ Anh Danh	W	2016	TV	8:00	VT3	10A6
27	Thiều Trung Kiên	W	2016	TV	8:00	VT3	10A6
28	Võ Nguyễn Anh Thư	W	2016	TV	8:00	VT3	10A6
29	Nguyễn Thành Hồng Trường	W	2016	TV	8:00	VT3	10A6
30	Bùi Lưu Xuân Mai	W	2016	TA	8:00	VT3	10A8

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
31	Lê Nguyễn Thanh Trúc	W	2016	TA	8:00	VT3	10A8
32	Nguyễn Thái Sơn	W	2016	TA	8:00	VT3	10A8
33	Nguyễn Lê Mai Lan	W	2016	TV	8:00	VT3	10A9
34	Nguyễn Hoàng Long	W	2016	TA	8:00	VT3	10A9
35	Trương Bảo Ngọc	W	2016	TA	8:00	VT3	10A9
36	Nguyễn Trần Phương Thảo	W	2016	TV	8:00	VT3	10A9
37	Lý Bảo Châu	W	2016	TA	8:00	VT3	10A9
38	Trần Ngọc Kim Hiếu	W	2016	TV	8:00	VT3	10A9
39	Nguyễn Nhật Bảo Khanh	W	2016	TV	8:00	VT3	10A9
40	Lê Đình Khiêm	W	2016	TA	8:00	VT3	10A9
41	Phạm Võ Thanh Ngân	W	2016	TV	8:00	VT3	10A9
42	Lý Kim Phụng	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
43	La Lê San	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
44	Trần Ngọc Uyên Thảo	W	2016	TA	9:30	VT2	10A9
45	Phạm Hồng Thi	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
46	Nguyễn Xuân Thiện	W	2016	TA	9:30	VT2	10A9
47	Trần Lê Minh Thư	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
48	Trần Huỳnh Kiều Trang	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
49	Hồ Đỗ Tường Vi	W	2016	TV	9:30	VT2	10A9
50	Phan Thành Danh	W	2016	TV	9:30	VT2	10A10
51	Trần Nguyễn Anh Tân	W	2016	TA	9:30	VT2	10A12
52	Lê Ngọc Giáng Tiên	W	2016	TV	9:30	VT2	10A12
53	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	W	2016	TV	9:30	VT2	10A13
54	Lâm Chí Đạt	W	2016	TA	9:30	VT2	10A13
55	Phan Nhật Lâm	W	2016	TV	9:30	VT2	10A13
56	Huỳnh Gia Bảo Ngọc	W	2016	TV	9:30	VT2	10A13
57	Huỳnh Ngọc Bảo Trúc	W	2016	TV	9:30	VT2	10A13
58	Phan Phi Hùng	W	2016	TA	9:30	VT2	10A14
59	Nguyễn Phúc Khánh An	W	2016	TV	9:30	VT2	10A14
60	Phạm Thành Danh	W	2016	TV	9:30	VT2	10A14
61	Phan Quốc Khánh	W	2016	TV	9:30	VT2	10A14
62	Lê Chí Nhân	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
63	Nguyễn Thành Nhân	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
64	Lưu Đức Phát	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
65	Đinh Ngọc Minh Phát	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
66	Nguyễn Nghĩa Phát	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
67	Phạm Thành Đạt	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
68	Nguyễn Bùi Mỹ Hoa	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
69	Huỳnh Ngọc Bảo Khang	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
70	Trần Minh Khang	W	2016	TA	9:30	VT3	10A14
71	Trần Ngọc Tuyết Liên	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
72	Triệu Ngọc Nhi	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
73	Vũ Thị Thảo	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
74	Trần Thanh Vy	W	2016	TV	9:30	VT3	10A14
75	Phạm Bảo Ngọc	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
76	Bùi Yến Như	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
77	Đặng Quỳnh Anh	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
78	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
79	Phạm Kim Ngân	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
80	Nguyễn Thị Kim Ngân	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
81	Nguyễn Ngọc Trâm	W	2016	TV	9:30	VT3	10A16
82	Nguyễn Xuân Thắng	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
83	Mai Thành Danh	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
84	Võ Hữu Nhân	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
85	Trần Lâm Tấn Phát	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
86	Nguyễn Thanh Thảo	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
87	Huỳnh Yến Trang	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
88	Chung Trần Khánh Xuân	W	2016	TV	11:00	VT2	10A17
89	Nguyễn Linh Đan	E	2016	TA	11:00	VT2	11A1
90	Đặng Kim Ngân	E	2016	TV	11:00	VT2	11A1
91	Nguyễn Lữ Minh Xuân	E	2016	TV	11:00	VT2	11A1
92	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	E	2016	TA	11:00	VT2	11A2
93	Trần Quốc An	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2
94	Nguyễn Thái Ngọc Hân	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2
95	Cô Nguyễn Ngọc Phúc	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2
96	Lã Hoàng Duy Tân	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
97	Nguyễn Hoàng Tiền	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2
98	Nguyễn Ngọc Lan Trinh	E	2016	TV	11:00	VT2	11A2
99	Hà Ngọc Đan Vy	E	2016	TA	11:00	VT2	11A3
100	Nguyễn Duy Dũng	E	2016	TV	11:00	VT2	11A3
101	Phạm Nguyễn Vân Anh	E	2016	TV	11:00	VT2	11A3
102	Võ Thị Kim Duyên	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
103	Trần Đặng Ngọc Hiếu	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
104	Nguyễn Lê Khang	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
105	Nguyễn Thị Kiều Loan	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
106	Trần Nguyễn Kim Ngân	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
107	Vòng Lê Yến Nhi	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
108	Trình Quang Tú	E	2016	TV	11:00	VT3	11A3
109	Nguyễn Khánh Duy	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
110	Huỳnh Thái Hiền	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
111	Nguyễn Phi Hùng	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
112	Ngô Nhật Khánh	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
113	Nguyễn Thị Thanh Tâm	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
114	Huỳnh Phước Toàn	E	2016	TV	11:00	VT3	11A4
115	Trần Nhật Anh	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
116	Phạm Hoàng Gia	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
117	Phan Hoàng Lan	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
118	Nguyễn Phi Nhung	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
119	Hồ Nguyễn Phương Thanh	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
120	Nguyễn Quan Việt Thắng	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
121	Khuru Quốc Thịnh	E	2016	TV	11:00	VT3	11A5
122	Hồ Thủy Tiên	E	2016	TA	13:30	VT2	11A5
123	Huỳnh Phát Thủy Trúc	E	2016	TV	13:30	VT2	11A5
124	Huỳnh Thị Mỹ An	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
125	Vũ Quốc Bảo	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
126	Châu Thị Mỹ Duyên	E	2016	TA	13:30	VT2	11A6
127	Trần Ngọc Gia Hân	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
128	Trần Ngọc Mây	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
129	Trần Ngọc Xuân My	E	2016	TA	13:30	VT2	11A6

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
130	Nguyễn Trần Phương Nghi	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
131	Hà Nguyễn Thảo Nguyên	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
132	Trương Đại Quang	E	2016	TA	13:30	VT2	11A6
133	Phan Nguyễn Khánh Vân	E	2016	TV	13:30	VT2	11A6
134	Phạm Hoàng Kha	E	2016	TV	13:30	VT2	11A7
135	Đoàn Ngọc Trà My	E	2016	TV	13:30	VT2	11A7
136	Nguyễn Thị Hồng Thy	E	2016	TV	13:30	VT2	11A7
137	Phạm Ngọc Kim Ánh	E	2016	TV	13:30	VT2	11A8
138	Lê Tấn Dũng	E	2016	TV	13:30	VT2	11A8
139	Nguyễn Nhật Duy	E	2016	TV	13:30	VT2	11A8
140	Huỳnh Phan Yến Linh	E	2016	TV	13:30	VT2	11A8
141	Đoàn Huỳnh Trúc Ngân	E	2016	TV	13:30	VT2	11A8
142	Lê Hoàng Bảo Ngọc	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
143	Lê Hoàng Phú	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
144	Nguyễn Kim Trúc Quỳnh	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
145	Trần Duy Thái	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
146	Mai Vũ Hoài Thương	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
147	Phạm Nguyễn Kim Thương	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
148	Võ Thị Ngọc Trâm	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
149	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
150	Đặng Gia Vĩnh	E	2016	TA	13:30	VT3	11A8
151	Lê Thị Tường Vy	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
152	Nguyễn Trần Ngọc Vy	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
153	Lê Kim Xuyên	E	2016	TV	13:30	VT3	11A8
154	Trần Thanh Dũng	E	2016	TA	13:30	VT3	11A10
155	Nguyễn Thanh Tòng	E	2016	TA	13:30	VT3	11A10
156	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	E	2016	TA	13:30	VT3	11A10
157	Nguyễn Đình Kha	E	2016	TV	13:30	VT3	11A11
158	Nguyễn Văn Anh	E	2016	TV	13:30	VT3	11A11
159	Ngô Thanh Hòa	E	2016	TV	13:30	VT3	11A11
160	Trần Nguyễn Thuận Phát	E	2016	TV	13:30	VT3	11A11
161	Nguyễn Tấn Phước	E	2016	TV	13:30	VT3	11A11
162	Nguyễn Quốc Thái	E	2016	TV	15:00	VT2	11A11

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
163	Đoàn Võ Nguyễn Phi Yến	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
164	Phan Công Vinh	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
165	Kiều Gia Bảo	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
166	Tô Tiến Đức	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
167	Nguyễn Tuấn Phúc	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
168	Nguyễn Hoàng Thái	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
169	Võ Thị Hoàng Trang	E	2016	TV	15:00	VT2	11A12
170	Nguyễn Trúc Giang	E	2016	TA	15:00	VT2	11A13
171	Lê Vũ Khánh Duy	E	2016	TV	15:00	VT2	11A13
172	Nguyễn Đình Hữu Đoan	E	2016	TV	15:00	VT2	11A13
173	Dương Thái Lâm	E	2016	TV	15:00	VT2	11A13
174	Nguyễn Ngọc Thắng	E	2016	TV	15:00	VT2	11A13
175	Hồ Trần Thanh Trúc	E	2016	TA	15:00	VT2	11A13
176	Huỳnh Võ Quốc Huy	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
177	Nguyễn Huỳnh Trí Khanh	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
178	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
179	Ngô Anh Khôi	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
180	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
181	Nguyễn Duy Phước	E	2016	TV	15:00	VT2	11A15
182	Đặng Thị Kim Quyên	E	2016	TV	15:00	VT3	11A15
183	Nguyễn Công Thành	E	2016	TV	15:00	VT3	11A15
184	Trần Thiệu Uyên	E	2016	TV	15:00	VT3	11A15
185	Huỳnh Quang Vinh	E	2016	TV	15:00	VT3	11A15
186	Lê Hồng Phương Thảo	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
187	Lương Hoàng Huy	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
188	Nguyễn Thị Thu Ngân	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
189	Châu Kiến Phúc	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
190	Phan Võ Như Quỳnh	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
191	Nguyễn Thị Hương Trúc	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
192	Trần Công Triệu Vỹ	E	2016	TV	15:00	VT3	11A16
193	Trần Dương Gia Huy	E	2016	TV	15:00	VT3	11A17
194	Trần Chí Khang	E	2016	TV	15:00	VT3	11A17
195	Nguyễn Anh Khoa	E	2016	TV	15:00	VT3	11A17

STT	Họ và tên	Tên bài thi	Phiên bản	Ngôn ngữ (TA/TV)	Ca thi	Phòng thi	Lớp
196	Nguyễn Tuyết Ngân	E	2016	TV	15:00	VT3	11A17
197	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	E	2016	TV	15:00	VT3	11A17
198	Lưu Mỹ Trinh	E	2016	TV	15:00	VT3	11A18
199	Trương Ngọc Hà My	E	2016	TV	15:00	VT3	11A18
200	Lê Hoàng Khánh Xuân	E	2016	TV	15:00	VT3	11A18
201	Lê Đỗ Thuỷ Tiên	E	2016	TV	15:00	VT3	11A13